

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	HIS 1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 2	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8		FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc Đại học	3	4
	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	0	4			Ngoại ngữ B1	5	4
							Tự chọn khối II		
QH.2019 HỌC KỲ 3	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8	
	CHI4031	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	CHI4032	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4	
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2	PSF3007	Tâm lý học	3	3	
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		Môn tự chọn (Khối II)	6	6	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2	CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3	
MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3		
QH.2018 HỌC KỲ 5	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD và ĐT	2	2
	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3		CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
	CHI3038	Lý luận giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3		CHI3049	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3
	PSF3008	Giáo dục học	3	3			Môn tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2)	12	12
						CHI3046	Phiên dịch	3	3
				CHI3019	Biên dịch	3	3		
QH.2017 HỌC KỲ 7	CHI3031	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	CHI4001	Thực tập	3	3
	CHI2047	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		CHI4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương (SV chọn học 2 môn thay thế học tại kì 7)	6	6
		Môn tự chọn (IV.1.2)							
	CHI2051	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	3	3					
	CHI2048	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	CHI2052	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	3					
		Môn tự chọn (V.2)	12	12					
	CHI3025	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
	CHI3041	Một số chuyên đề về giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam và Thế giới	3	3					
	CHI3039	Lý luận về học ngôn ngữ và thực hành khám phá	3	3					
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	CHI3050	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3					
	CHI3065	Xây dựng chương trình giảng dạy	3	3					
	CHI3029	Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành	3	3					

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiến

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - ĐỊNH HƯỚNG PHIÊN DỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2018 HỌC KỲ 5	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	CHI3040	Lý thuyết dịch	3	3
	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3		CHI3030	Kỹ năng nghiệp vụ phiên biên dịch	3	3
	CHI3019	Biên dịch	3	3		CHI3048	Phiên dịch nâng cao	3	3
	CHI3046	Phiên dịch	3	3		CHI3021	Biên dịch nâng cao	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
						CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
							Môn tự chọn (V.1.2.2)	3	3
QH.2017 HỌC KỲ 7	CHI2047	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	CHI4001	Thực tập	3	3
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6		CHI4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương (SV chọn học 2 môn thay thế học tại kì 7)	6	6
	CHI2051	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	3	3					
	CHI2048	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	CHI2052	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	3					
		Môn tự chọn (V.1.2.1)	6	6					
	CHI3047	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	CHI3020	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
	CHI3026	Công nghệ trong dịch thuật	3	3					
	CHI3028	Dịch văn học	3	3					
	CHI3044	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
		Môn tự chọn (V.1.2.2)	3	3					
	CHI3056	Tiếng Trung Quốc Kinh tế	3	3					
	CHI3059	Tiếng Trung Quốc Tài chính - Ngân hàng	3	3					
CHI3052	Tiếng Trung Quốc Du lịch - Khách sạn	3	3						
CHI3058	Tiếng Trung Quốc luật	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2017 HỌC KỲ 7	CHI2047	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	CHI4001	Thực tập	3	3
	FIB2001	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	3	3		CHI4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương (SV chọn học 2 môn thay thế học tại kì 7)	6	6
		Môn tự chọn (V.3.2.1)	6	6					
	CHI3057	Tiếng Trung Quốc kinh tế nâng cao	3						
	CHI3033	Kinh tế Trung Quốc đương đại	3						
	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3						
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3						
	BSA2002	Nhập môn Marketing	3						
	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3						
	INE2003	Kinh tế phát triển	3						
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6					
	CHI2051	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	3						
	CHI2048	Ngôn ngữ học đối chiếu	3						
	CHI2052	Phân tích diễn ngôn	3						
CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3							

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2017 HỌC KỲ 7	CHI2048*	Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc 3	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	CHI4001*	Thực tập	3	3
	CHI3048*	Phiên dịch nâng cao	3	3		CHI4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
	CHI3021*	Biên dịch nâng cao	3	3					
		Môn tự chọn (V.1.2.1)	6	6					
	CHI3047	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	CHI3020	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
	CHI3026	Công nghệ trong dịch thuật	3	3					
	CHI3028	Dịch văn học	3	3					
	CHI3044	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
		Môn tự chọn (V.1.2.2)	6	6					
	CHI3056	Tiếng Trung Quốc Kinh tế	3	3					
	CHI3059	Tiếng Trung Quốc Tài chính - Ngân hàng	3	3					
	CHI3052	Tiếng Trung Quốc Du lịch - Khách sạn	3	3					
	CHI3054	Tiếng Trung Quốc giao tiếp trong kinh doanh	3	3					
	CHI3055	Tiếng Trung Quốc Hành chính - Văn phòng	3	3					
	CHI3058	Tiếng Trung Quốc luật	3	3					
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6					
	CHI2051	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	3	3					
	CHI2048	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	CHI2052	Phân tích diễn ngôn	3	3					
CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3						
CHI2044	Quốc	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	CHI4021*	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8	QH.2020 HỌC KỲ 2	CHI4023*	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
	CHI4022*	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9		CHI4024*	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc Đại học	3	4		VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1107***	Tiếng Anh Chất lượng cao 1	5	8		FLF1108***	Tiếng Anh Chất lượng cao 2	5	8
							Tự chọn khối II		
QH.2019 HỌC KỲ 3	CHI4025*	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	CHI4026*	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9		CHI4028*	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
	CHI2038***	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	2	3		CHI4029*	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		CHI4030**	Tiếng Trung Quốc 4C	2	3
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		Tự chọn khối III.2	4	4			Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	VL1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		*	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	2					
QH.2018 HỌC KỲ 5	CHI2049*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	CHI3035***	Lí thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch	3	3
	CHI2036***	Đất nước học Trung Quốc	3	3		CHI2050*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
	CHI3068***	Phiên dịch Việt - Trung	3	3		CHI3054	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng TQ)	3	3
	CHI3070***	Biên dịch Việt - Trung	3	3		CHI3069***	Phiên dịch Anh- Trung	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		CHI3071***	Biên dịch Anh- Trung	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		CHI2039***	Kĩ năng sử dụng tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3
	CHI2047*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3			Tự chọn khối IV.1.2	3	3
		Tự chọn khối III.2	2	2		CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa TQ	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		*	Văn học Trung Quốc	3	3
PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2						

đã bỏ Tư tưởng HCM
Sửa lại số tín chỉ tự

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh